JOURNAL OF SCIENCE
OF LAC HONG UNIVERSITY
ISSN: 2525 - 2186
Tạp chí Khoa học Lạc Hồng, **2026**, 25, 142-150

VAI TRÒ CỦA TẦNG LỚP SĨ TỘC TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, GIÁO DỤC THỜI MINH TRỊ DUY TÂN

Trần Thị Gái
Trường Đại học Lạc Hồng, Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Trấn Biên, Đồng Nai, Việt Nam
* Tác giả liên hệ: *tranthigai@lhu.edu.vn*

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 05/03/2025
Ngày hoàn thiện: 17/05/2025
Ngày chấp nhận: 29/05/2025
Ngày đăng: 31/03/2026

TỪ KHÓA

Công cuộc Minh Trị Duy Tân;
Tầng lớp sĩ tộc;
khai sáng;
Tây học;
Cải cách Minh Trị;
Minh lục xã.

TÓM TẮT

Cuộc Duy Tân Minh Trị là một quá trình cải cách toàn diện, diễn ra trên nhiều lĩnh vực và trải qua nhiều giai đoạn kế tiếp nhau. Trong tiến trình đó, tầng lớp sĩ tộc (giới trí thức Nhật Bản) đã đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy những chuyển biến sâu sắc về đời sống văn hóa và giáo dục. Họ là lực lượng tiên phong trong việc truyền bá tư tưởng khai sáng, đưa tinh thần học thuật và văn minh phương Tây đến gần hơn với quảng đại quần chúng. Bài báo sử dụng phương pháp so sánh sử liệu để làm rõ tiến trình phát triển cũng như vai trò của tầng lớp sĩ tộc trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Qua đó, bài viết cung cấp những hiểu biết về sự hình thành, phát triển và đóng góp của tầng lớp sĩ tộc đối với lĩnh vực văn hóa và giáo dục Nhật Bản. Mặc dù tầng lớp sĩ tộc ngày nay không còn tồn tại, nhưng "tinh thần" sĩ tộc vẫn hiện diện trong mỗi con người Nhật Bản. Tinh thần đó thể hiện rõ qua nhiều khía cạnh như trong hoạt động kinh doanh, trong giáo dục, và trong các tác phẩm văn học,… Từ những yếu tố ấy, có thể thấy Nhật Bản là một quốc gia với những con người mang tinh thần "sĩ tộc": kiên cường, giữ chữ tín, trọng danh dự, luôn đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu, không khuất phục trước khó khăn, ham học hỏi, và thể hiện thái độ lạc quan, cởi mở trong quá trình hội nhập và giao lưu với phương Tây. Một tinh thần như thế là điều đáng để người Việt Nam chúng ta học hỏi, nhằm gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

THE ROLE OF THE SAMURAI CLASS IN CULTURAL AND EDUCATIONAL ACTIVITIES DURING THE MEIJI RESTORATION

Tran Thi Gai
Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe Street, Tran Bien, Dong Nai, Vietnam
*Corresponding Author: *tranthigai@lhu.edu.vn*

ARTICLE INFO

Received: Mar 5th, 2025
Revised: May 17th, 2025
Accepted: May 29th, 2025
Published: Mar 31st, 2026

KEYWORDS

The Meiji Restoration;
The samurai class;
Enlightenment;
Western learning;
The Meiji Reforms;
Minh Luc Society.

ABSTRACT

The Meiji Restoration was a comprehensive reform process that spanned multiple fields and unfolded through successive phases. Throughout this transformation, the samurai class (the Japanese intellectual elite) played a pivotal role in promoting profound changes in cultural and educational life. They served as pioneers in disseminating Enlightenment thought, bringing academic spirit and Western civilization closer to the general public. This article adopts a comparative historiographical approach to clarify the developmental trajectory and role of the samurai class within a specific historical context. In doing so, it provides insights into the formation, evolution, and contributions of this class to Japan's cultural and educational domains. Although the samurai class no longer exists today, the "samurai spirit" continues to live on in each Japanese individual. This spirit is vividly manifested in various aspects of life—such as business practices, education, and literary works. From these elements, it is evident that Japan is a nation of people who embody the samurai spirit: resilient, trustworthy, honorable, prioritizing national interests above all, unyielding in the face of hardship, eager to learn, and demonstrating an optimistic and open attitude toward international integration and exchange with the West. Such a spirit is truly something that we, the Vietnamese people, should learn from in order to preserve and promote our traditional cultural identity in the current era of global integration.

Doi: https://doi.org/10.61591/jslhu.25.653
Avaiable online at: https://lhj.vn

1. GIỚI THIỆU

Như đã đề cập trong số trước với chủ đề *"Vai trò của tầng lớp sĩ tộc trong hoạt động kinh tế, chính trị thời Minh Trị Duy Tân"*, sự hình thành và phát triển của tầng lớp sĩ tộc đã đóng góp quan trọng vào tiến trình hiện đại hóa toàn diện của Nhật Bản trong thời kỳ này. Bên cạnh những ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực kinh tế và chính trị, tầng lớp sĩ tộc còn để lại dấu ấn rõ nét trong đời sống văn hóa và giáo dục – những yếu tố then chốt góp phần tạo nên sự hưng thịnh của đất nước dưới triều đại Minh Trị.

Nhiều công trình nghiên cứu đã làm sáng tỏ vai trò của tầng lớp sĩ tộc trong việc định hình tư tưởng, truyền bá tri thức và cải cách hệ thống giáo dục. Có thể kể đến tác phẩm của học giả Vĩnh Sính: *Hội trí thức Meirokusha và tư tưởng khai sáng ở Nhật Bản* (Tạp chí Thời Đại Mới, số 4, 2005), trong đó tái hiện rõ nét tư tưởng văn minh của các thành viên Minh Lục Xã – nhóm trí thức có ảnh hưởng lớn đến chính quyền và xã hội Nhật Bản trong quá trình kiến thiết quốc gia.

Tương tự, trong cuốn *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX* (Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007), tác giả Vũ Dương Ninh đã phân tích sâu sắc công cuộc cải cách giáo dục Nhật Bản giai đoạn 1868–1912 – thời kỳ mà giới sĩ tộc giữ vai trò then chốt trong việc truyền bá tri thức phương Tây, đồng thời thúc đẩy tư tưởng duy tân trong xã hội.

Đáng chú ý, nghiên cứu của Nguyễn Tiến Lực *Tư tưởng về văn minh của Fukuzawa Yukichi – Từ tác phẩm "Khái lược về văn minh luận" (Bunmeiron no gairyaku)* (2012) đã khắc họa rõ nét quan điểm của Fukuzawa Yukichi – một nhân vật tiêu biểu xuất thân từ tầng lớp sĩ tộc – về vai trò của văn minh trong quá trình cải cách đất nước.

Ngoài ra, nhóm tác giả Sonoda Hidehiro, Hamana Atsushi và Hiroda Teruyuki trong công trình *Shizoku no rekishi shakai gakuteki kenkyu* (*Nghiên cứu về sĩ tộc – Nhìn từ xã hội học lịch sử: Võ sĩ cận đại*, Nxb. Đại học Nagoya, 1995, tái bản 2005) đã tiến hành khảo sát toàn diện quá trình chuyển hóa từ tầng lớp võ sĩ sang sĩ tộc. Tác phẩm phân tích sâu các phương diện kinh tế, xã hội, gia đình và giáo dục, cho thấy tầng lớp này không chỉ là lực lượng trung gian giữa truyền thống và hiện đại mà còn là tác nhân thúc đẩy đổi mới.

Những công trình nghiên cứu, tư liệu và bài viết thời kỳ đó không chỉ phản ánh bối cảnh học thuật đương thời mà còn có ảnh hưởng sâu sắc đến hệ thống giáo dục và sự phát triển tri thức của Nhật Bản hiện đại. Đặc biệt, Hội Minh Lục Xã – với các bài luận và tác phẩm tiêu biểu về tư tưởng khai sáng – đã góp phần lan tỏa những luồng tư tưởng mới, tác động mạnh mẽ đến chính quyền Minh Trị và tầng lớp nhân dân khao khát tiếp thu tri thức tiên tiến. Chính những dòng tư tưởng canh tân này đã định hình chính sách cải cách giáo dục, đặt nền móng cho công cuộc hiện đại hóa quốc gia trong thời kỳ Minh Trị Duy Tân.

2. KHÁI QUÁT CÔNG CUỘC MINH TRỊ DUY TÂN NHẬT BẢN Ở LĨNH VỰC GIÁO DỤC, XÃ HỘI

Khái niệm về sĩ tộc

Trong số những công trình nghiên cứu thời kỳ cận đại Nhật Bản, có không ít những bài luận viết về sĩ tộc ở các lĩnh vực khác nhau.

Trong nghiên cứu xã hội học, các nhà xã hội học đã định nghĩa tầng lớp sĩ tộc như sau: *"Sĩ tộc, về cơ bản, là tên gọi của một giai cấp, một tầng lớp xã hội được xác định theo quy định của pháp luật."*

Theo Kikukawa Hidezo, trong thời đại Tokugawa, sự phân biệt giữa bốn tầng lớp *sĩ, nông, công, thương* không chỉ thể hiện nghề nghiệp mà còn xác định địa vị xã hội của mỗi người, trong đó võ sĩ nắm giữ vị trí cao nhất. Tuy nhiên, sau cuộc Duy Tân, chính phủ Minh Trị đã tiến hành điều chỉnh hệ thống giai cấp cũ để thiết lập một trật tự xã hội mới với khẩu hiệu *"Tứ dân bình đẳng"*, nhằm xóa bỏ sự bất bình đẳng về quyền lợi và địa vị của võ sĩ dưới thời Mạc phủ. Trong chế độ mới, tầng lớp sĩ tộc vẫn được hưởng lương theo nghề nghiệp, có quyền tham gia quân đội và chính trị, cùng một số đặc quyền khác theo quy định.

Yasuda Saburo cũng nhận định rằng *"Sĩ tộc là tầng lớp võ sĩ thay đổi về mặt đặc quyền và đặc lợi"*. Ông đưa ra hai quan điểm chính về định nghĩa sĩ tộc: Thứ nhất, sĩ tộc bao gồm những người xuất thân từ võ sĩ cũ, đồng thời có cả những quan chức xuất thân bình dân nhưng được gia nhập vào tầng lớp này. Thứ hai, một số võ sĩ trong chế độ mới đã xin gia nhập tầng lớp bình dân.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng các nhà xã hội học đã tổng kết: *"Sĩ tộc là tầng lớp võ sĩ có sự thay đổi về đặc quyền, song vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo và định hướng xã hội thời Minh Trị."*[6, tr.51,52]

Trong các nghiên cứu về giáo dục học, "*Sĩ tộc được xem là tầng lớp võ sĩ cũ, nổi bật với niềm tự hào về trình độ học vấn cao. Họ duy trì tỷ lệ học vấn vượt trội ở tất cả các bậc học, từ sở đẳng, trung đẳng đến cao đẳng, kể từ khi hệ thống giáo dục mới được ban hành*".[6, tr.53]

Trong lĩnh vực nghiên cứu chính trị học, "*Sĩ tộc là tầng lớp võ sĩ cũ xuất hiện dưới một danh xưng mới, nắm giữ vị trí chủ chốt trong chính quyền Minh Trị. Họ đóng vai trò lãnh đạo trong các phong trào dân quyền, góp phần tích cực vào sự phát triển của chính phủ, đặc biệt là vào năm 1877 (Minh Trị thứ 10)*".[6, tr.54]

Trong nghiên cứu xã hội học công nghiệp, Fukaya Hiroharu định nghĩa như sau: "*Sĩ tộc là tầng lớp võ sĩ cũ xuất hiện dưới một danh xưng mới, đóng vai trò chủ chốt trong quá trình cận đại hóa Nhật Bản thời Minh Trị Duy Tân*" [5, tr.22]. Để chứng minh nhận định này, ông đã đưa ra năm luận điểm quan trọng:

Thứ nhất, phần lớn những người giữ vị trí quan trọng trong chính phủ Minh Trị, đặc biệt là công chức, đều xuất thân từ hoa tộc và sĩ tộc..

Thứ hai, đa số những người đảm nhận vai trò giảng dạy từ bậc trung đẳng trở lên và lãnh đạo xã hội cũng thuộc tầng lớp hoa tộc và sĩ tộc..

Thứ ba, thành phần lãnh đạo phong trào Tự do Dân quyền, - một phong trào có ảnh hưởng lớn trong lịch sử chính trị thời Minh Trị - chủ yếu là sĩ tộc.

Thứ tư, sĩ tộc chiếm tỷ lệ lớn trong số các thành viên được bầu vào nghị viện.

Thứ năm, phần lớn những người tham gia và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa theo mô hình tư bản chủ nghĩa ở Nhật Bản thời Minh Trị cũng xuất thân từ sĩ tộc.

Dựa trên các tài liệu nghiên cứu, tác giả định nghĩa sĩ tộc như sau: "*Sĩ tộc là một tầng lớp mới, hình thành từ tầng lớp võ sĩ trong thời đại Minh Trị. Tuy nhiên, sĩ tộc có những đặc quyền và đặc lợi khác so với võ sĩ. Chẳng hạn, dưới thời Minh Trị, họ không còn nắm quyền lãnh đạo, không được mang đao, kiếm hay để tóc dài như trước. Thay vào đó, sĩ tộc có cơ hội tham gia vào nhiều ngành nghề mà trước đây võ sĩ chưa từng đảm nhiệm như buôn bán, nông nghiệp và công nghiệp. Với sự hiện diện trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, sĩ tộc đóng vai trò quan trọng trong công cuộc Duy Tân thời Minh Trị*".

Xét trên phương diện lịch sử, tầng lớp võ sĩ và sĩ tộc là kết quả tất yếu của những biến đổi xã hội. Đây được xem là minh chứng cụ thể về sự chuyển đổi giai cấp trong lịch sử Nhật Bản. Mỗi tầng lớp đều có những đặc điểm riêng, phản ánh đúng thực trạng xã hội và chính trị Nhật Bản đương thời.

Tầng lớp sĩ tộc ra đời như một sự chuyển đổi từ giai cấp võ sĩ, nhằm thích ứng với bối cảnh xã hội mới. Họ thay thế võ sĩ trong việc thực hiện các nhiệm vụ mới, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn Minh Trị Duy Tân.

Do có nguồn gốc từ võ sĩ, tầng lớp sĩ tộc vẫn kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức, tinh thần võ sĩ đạo như trung thành, hy sinh, tín nghĩa, lễ nghi, liêm sỉ, tiết kiệm, thượng võ, danh dự và nhân ái. Những giá trị này không chỉ là tinh hoa của tầng lớp sĩ tộc mà còn tiếp tục ảnh hưởng sâu sắc đến tinh thần và lối sống của người Nhật Bản cho đến ngày nay.

Về giáo dục

Thực thi chế độ giáo dục hiện đại. Mạc phủ Tokugawa thi hành chính sách bế quan tỏa cảng (Sakoku) nhưng vẫn cho phép người Hà Lan buôn bán ở Nagasaki. Cho nên, thiên văn học, y học, địa lý học và các khoa học tiên tiến khác ở phương Tây được truyền bá đến Nhật Bản qua cảng Nagasaki. Những người học và thực hành khoa học kỹ thuật do Hà Lan đem lại gọi là những nhà Lan học (Rangaku). Ví dụ như Ogata Koan mở trường Rangaku Tekijuku ở Osaka, đào tạo nhiều nhân tài ưu tú cho đất nước, tiêu biểu là Fukuzawa Yukichi. Những bác sĩ phương Tây gọi là bác sĩ y học Hà Lan. Trong đó, có một số bác sĩ đã nghiên cứu ra nhiều loại thuốc kháng sinh như kháng sinh bệnh đậu mùa, thuốc gây mê,… Cuối thời Tokugawa, có một số daimyo rất thích Rangaku, mời các nhà Rangaku tài năng đến giúp việc và tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu và chữa bệnh của họ. Ở các han lớn mạnh cũng mời các cố vấn người nước ngoài đến làm việc, gửi du học sinh ra nước ngoài du học để tiếp thu khoa học tiên tiến Âu – Mĩ, mua hạm đội, chế tạo vũ khí theo kiểu phương Tây. Ngoài Rangaku, một số người bắt đầu học khoa học kỹ thuật phương Tây bằng tiếng Anh, tiếng Pháp. Chính Fukuzawa Yukichi, người bắt đầu từ Rangaku cũng chuyển sang học tiếng Anh để tìm hiểu nhiều hơn, rộng hơn học thuật phương Tây. [3, tr.46]

Ở thời Edo, các han đều thành lập trường của riêng từng han gọi là Hanko để dạy cho con em võ sĩ, còn con em các tầng lớp bình dân thì vào học ở các trường chùa, trường làng (Terakoya). Trường làng dạy chữ và làm toán bằng bàn tính. Nhờ đó, cuối thời kỳ Tokugawa, tỉ lệ biết chữ nam giới cao hơn 40% so với nữ giới.

Năm 1872 Chính phủ ban hành công bố Học chế (Luật giáo dục). Chính phủ đặt mục tiêu phổ cập giáo dục, cho xây dựng khoảng 54.000 trường tiểu học trong cả nước. Ngoài kinh phí trung ương, các địa phương và cả tư nhân cũng đầu tư vào việc mở trường tiểu học. Trong vòng một năm, cả nước đã xây dựng gần 13.000 trường tiểu học. Trong đó, nhiều trường làng, trường chùa chuyển đổi thành trường tiểu học. Nhiều trường ở các han lập thời Edo đã phát triển lên thành các trường trung học cơ sở ở các địa phương vào thời Minh Trị. Từ năm 1869, các trường đại học được thành lập ở Tokyo và các thành phố khác do hợp nhất một số trường có từ thời Edo. Cuối năm 1877, Đại học quốc lập Tokyo được thành lập. Nhiều trường chuyên nghiệp công lập, tư lập ở trung ương cũng như ở địa phương cũng được thành lập.

Trong công cuộc canh tân Nhật Bản, giáo dục được đặc biệt coi trọng vì đây là lĩnh vực then chốt, góp phần tạo ra nguồn nhân lực trí thức phục vụ sự phát triển của đất nước. Trong khoảng mười năm đầu của công cuộc Duy Tân, giai đoạn này được lịch sử Nhật Bản gọi là thời kỳ *"văn minh khai hóa"*. Đây là thời kỳ ý thức dân tộc được thúc đẩy mạnh mẽ, hướng đến việc tiếp thu những thành tựu tiên tiến của văn minh phương Tây nhằm hiện đại hóa đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Trong bối cảnh đó, các trí thức theo trường phái Dương học (*Yogakusha*), tập hợp trong hiệp hội trí thức Minh Lục Xã (*Meirokusha*), đã đóng một vai trò quan trọng trong việc truyền bá tư tưởng cải cách và thúc đẩy sự phát triển giáo dục.

Về xã hội

Vào cuối những năm 1820 xã hội Nhật Bản phải đối chọi với nhiều thách thức to lớn về mọi mặt. Tầng lớp võ sĩ bị bần cùng hóa trong khi đó tài sản rơi vào tay giới thương nhân giàu có. Môi trường phát triển cho các yếu tố kinh tế - xã hội đã trở nên hết sức chật hẹp và lạc hậu. Xã hội Nhật Bản luôn trong tình trạng bất ổn. Chính vì vậy mà phong trào cải cách Minh Trị đã diễn ra. Đây được xem là một sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng, chấm dứt gần 7 thế kỷ nắm giữ quyền lực chính trị của Mạc phủ trong lịch sử Nhật Bản. Ngày 6/4/1868, Thiên hoàng Minh Trị tuyên bố "Ngũ điều ngự thệ văn". Đây được coi là cương lĩnh chính trị định hướng xây dựng đất nước theo mô hình phương Tây. Đặc biệt, điều 5 của cương lĩnh nhấn mạnh rằng Nhật Bản cần tiếp thu tri thức từ khắp thế giới để phục vụ công cuộc phát triển quốc gia. Ngày 11/4/1868, chính phủ chính thức công bố *"Chính thể thư"* (*Seitaisho*), trong đó nêu rõ Nhật Bản sẽ áp dụng chế độ tam quyền phân lập, từng bước thiết lập thể chế dân chủ theo mô hình chính trị phương Tây.[2, tr.156]

Về phương diện xã hội, Chính phủ Minh Trị đã xóa bỏ chế độ *Bakuhan* và thiết lập một thể chế chính trị tập quyền do trung ương kiểm soát. Đồng thời, Thiên Hoàng ban hành lệnh bãi bỏ chế độ phân biệt đẳng cấp xã hội vốn tồn tại dưới thời Mạc phủ. Các quý tộc, công khanh của Hoàng gia, quan lại cao cấp trước đây của Mạc phủ và các daimyo cùng tăng lữ cao cấp tư nay được gọi là hoa tộc *(kazoku)*, và có thể nhận các tước phẩm công, hầu, bá, tước, nam. Toàn bộ các võ sĩ cầm kiếm khác được gọi là sĩ tộc *(shizoku)* không được nhận tước phẩm và không có những đặc quyền như trước như quyền mang kiếm. Tầng lớp bình dân *(heimin)* gồm công, nông, thương, ngư dân trở thành bề tôi của Thiên hoàng và được quyền đặt tên có họ. Chính quyền mới cho phép tầng lớp bình dân được quyền kết hôn với các tầng lớp khác, bao gồm cả hoa tộc và sĩ tộc. Đó là những quyền mà thời phong kiến, tầng lớp bình dân không thể có. Ngoài ra, chính quyền Minh Trị còn cho phép tầng lớp bình dân có quyền tự do chuyển đổi nghề nghiệp, tự do chọn chỗ ở. Những tầng lớp thương nhân buôn bán trong thời Edo, tầng lớp được coi là có địa vị xã hội thấp kém thì khi chuyển sang chế độ mới, chính quyền Minh Trị vẫn khuyến khích thương nhân buôn bán, phát triển sản xuất. Những người thương nhân còn có quyền tự do lựa chọn tên gọi cho mình. Có một số thương nhân tham gia vào tầng lớp sĩ tộc. Trên nguyên tắc, từ quan đến dân đều bình đẳng với nhau với tư cách đều là bề tôi của Thiên hoàng.

Trong những năm đầu sau khi chính quyền mới được thành lập, chính phủ Minh Trị vẫn duy trì chế độ cấp lương bổng cho tầng lớp hoa tộc và sĩ tộc. Đồng thời, chính phủ cũng quyết định chi trả lương cho các công thần triều đình dưới hình thức tiền mặt. Đến tháng 8 năm 1876, chính phủ Minh Trị ban hành *Kim lộc công trái chứng thư* (*Kinroku Kosai Shosho*), một loại trái phiếu được sử dụng để thanh toán bổng lộc cho giới hoa tộc và sĩ tộc.

Để tạo điều kiện cho các tầng lớp trong xã hội có công việc ổn định, đặc biệt là đối với tầng lớp sĩ tộc, chính phủ Minh Trị đã đưa ra nhiều chính sách như tìm kiếm việc làm, khuyến khích sĩ tộc tham gia vào các ngành nghề khác nhau. Chính phủ còn cấp đất đai cho tầng lớp sĩ tộc và bình dân để tham gia phát triển nông nghiệp. Mức tô thuế đất cũng được chính phủ sửa đổi nên phần lớn tầng lớp sĩ tộc và nông dân có cơm ăn, áo mặc đầy đủ.

Công cuộc Minh Trị duy tân Nhật Bản đạt được nhiều thành tựu đáng kể, phần lớn là nhờ vào chính phủ Minh Trị đã nhận thức đúng đắn, đưa ra những chính sách phù hợp với tình hình đất nước. Tiếp theo là nhờ vào bộ phận tầng lớp sĩ tộc và một bộ phận trí thức đã đóng góp tất cả sức lực, tinh thần vào trong công cuộc đổi mới đất nước. Tất cả từ giai cấp lãnh đạo cho đến những thường dân, họ đã từng bước thay đổi nhận thức cũng như quan điểm của mình để xây dựng một nước Nhật Bản mạnh về kinh tế, có nền chính trị ổn định, bền vững, một nền văn hóa được gìn giữ lâu đời và ngày càng được phát huy, một nền giáo dục tiên tiến với mô hình học tập phương Tây. Xã hội Nhật Bản thay đổi rất nhiều từ một đất nước với lực lượng võ sĩ đóng vai trò nòng cốt, thì nay xã hội Nhật Bản đón nhận tầng lớp sĩ tộc mới với nhiều ngành nghề đa dạng, phong phú với tinh thần chăm chỉ, tận tụy, có ý thức trách nhiệm cao với công việc. Đức tính này là cái tồn tại ở bên trong mỗi con người Nhật Bản. Có thể nói, công cuộc Minh Trị Duy Tân ở Nhật Bản trước hết là một phong trào mang tính dân tộc, nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và thúc đẩy sự phát triển, phồn vinh của đất nước.

Công cuộc Minh Trị duy tân ở Nhật Bản đồng thời giải quyết hai nhiệm vụ cơ bản của Nhật Bản. Thứ nhất, chính quyền Minh Trị đã lật đổ được chế độ phong kiến Tokugawa tồn tại lâu đời. Đồng thời, cũng xóa bỏ được sự thống trị của Tướng quân, người nắm quyền lực lãnh đạo trong suốt mấy trăm năm. Thứ hai, Nhật Bản đã bảo vệ được nền độc lập dân tộc trước sự xâm nhập và bành trướng của chủ nghĩa thực dân tư bản phương Tây. Xét trên góc độ đó, Nhật Bản là nước châu Á duy nhất hoàn thành được cùng một lúc hai nhiệm vụ trên trong thời kỳ cận đại.

Sau khi chế độ Mạc phủ sụp đổ, tầng lớp võ sĩ, vốn là trụ cột của xã hội phong kiến, đã mất đi địa vị và bổng lộc truyền thống. Tuy nhiên, phần lớn võ sĩ cũ sở hữu vốn tri thức Nho học, kỹ năng quân sự và tinh thần kỷ luật cao, đã nhanh chóng thích nghi với thời đại mới bằng cách chuyển sang những ngành nghề đòi hỏi trí tuệ và tinh thần trách nhiệm, đặc biệt là giáo dục. Chính sách "Tứ dân bình đẳng" được chính phủ Minh Trị ban hành nhằm xóa bỏ phân biệt giai cấp truyền thống, tạo cơ hội bình đẳng trong học tập và nghề nghiệp. Trong bối cảnh đó, tầng lớp sĩ tộc, những người kế thừa cả học vấn lẫn lý tưởng phụng sự quốc gia, đã trở thành lực lượng nòng cốt xây dựng hệ thống giáo dục hiện đại. Họ không chỉ đảm nhận vai trò giáo viên trong các trường học mà còn là những người thiết kế, cải cách và truyền bá tư tưởng giáo dục mới, góp phần quyết định vào thành công của chính sách khai sáng quốc dân trong thời kỳ Minh Trị.

Những cải cách về giáo dục và chính sách xã hội trong thời kỳ đầu Minh Trị không chỉ góp phần thiết lập một hệ thống nhà nước hiện đại, mà còn tạo điều kiện để các tầng lớp trong xã hội tái định vị vai trò và vị thế của mình trong trật tự mới. Trong tiến trình ấy, tầng lớp sĩ tộc, vốn từng giữ vai trò trụ cột trong xã hội phong kiến, không đơn thuần bị đào thải bởi làn sóng hiện đại hóa, mà nhiều người trong số họ đã chủ động thích nghi, chuyển hóa và từng bước khẳng định ảnh hưởng trong các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và giáo dục. Chính từ đây, một lớp trí thức mới, vừa kế thừa truyền thống, vừa tiếp thu tinh thần cải cách bắt đầu xuất hiện và đóng vai trò trung gian trong việc định hình diện mạo văn hóa thời kỳ Minh Trị. Sự hiện diện và đóng góp của tầng lớp này sẽ được trình bày rõ hơn trong mục 3.

3. VAI TRÒ CỦA TẦNG LỚP SĨ TỘC TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ THỜI MINH TRỊ DUY TÂN

Tầng lớp sĩ tộc không chỉ đóng vai trò quan trọng trong vấn đề phát triển kinh tế, xã hội Nhật Bản thời Minh Trị mà còn có những đóng góp to lớn trong cuộc sống tinh thần của người Nhật Bản. Mặc dù thời đại Minh Trị đã qua nhưng những thành tựu mà những con người trong thời đại Minh Trị để lại có ý nghĩa trường tồn. Những nhà văn học, nhà tư tưởng với xuất thân từ tầng lớp sĩ tộc đã cho ra đời những tác phẩm văn học đặc sắc, những bài luận tư tưởng độc đáo giúp cho người đọc cảm nhận ý nghĩa bài học đằng sau những tác phẩm đó. Nói đến người có công lao rất lớn cho nền văn học Nhật Bản lúc bấy giờ phải kể đến hội trí thức Minh lục xã (Meirokusha).

3.1 Tư tưởng khai sáng của Hội trí thức Minh lục xã

Tháng 7 năm 1873, sau khi hoàn thành nhiệm vụ công sứ tại Hoa Kỳ và trở về Tokyo, Mori Arinori (1848–1889) cùng Nishimura Shigeki (1828–1902) khởi xướng việc thành lập một hội trí thức theo mô hình phương Tây. Đến tháng 2 năm 1875, Minh Lục Xã (Meirokusha) chính thức ra đời. Tên gọi "Minh Lục" bắt nguồn từ năm thứ 6 triều Minh Trị (1873), với "Minh" biểu thị triều đại và "Lục" là số 6; "Xã" mang nghĩa hội nhóm.

Hội quy tụ khoảng 30 thành viên và 10 hội viên đặc biệt, đa phần là trí thức xuất thân từ tầng lớp võ sĩ cấp thấp, tiêu biểu như Fukuzawa Yukichi, Kato Hiroyuki, Nishi Amane, Nakamura Masanao, Mitsukuri Rinsho và Tsuda Mamichi. Với nền tảng Hán học vững chắc và tư duy tiếp cận Tây học, họ vừa giữ gìn tinh thần trách nhiệm truyền thống vừa tích cực truyền bá tri thức hiện đại. Các thành viên tận dụng kiến thức Hán văn để dịch thuật, sáng tạo các thuật ngữ mới nhằm diễn đạt khái niệm phương Tây chưa từng có trong hệ thống ngôn ngữ truyền thống.

Tôn chỉ của Minh Lục Xã là "thúc đẩy giáo dục, bàn luận cải cách, mở mang tri thức." Hội hoạt động sôi nổi trong các lĩnh vực biên soạn – dịch thuật, diễn thuyết, nghiên cứu, và đặc biệt là xuất bản *Minh Lục Tạp Chí* (Meiroku Zasshi) – một diễn đàn học thuật khai sáng, thảo luận các vấn đề thời sự như chính trị, giáo dục, tôn giáo, kinh tế, luật pháp, phong tục, nữ quyền và ngôn ngữ.

Với tư tưởng khai sáng tiên phong, Minh Lục Xã không chỉ đại diện cho trí thức tiến bộ Nhật Bản thời Minh Trị mà còn góp phần đặt nền móng cho quá trình hiện đại hóa quốc gia.[7, tr.15]

Mori Arinori

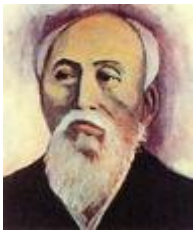
Nishimura Shigeki

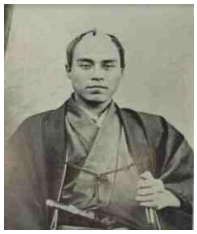
Fukuzawa Yukichi

Nishi Amane

Kato Hiroyuki

Kanda Kohei

Hình 1. *Các thành viên Hội trí thức Minh lục xã (Meirokusha)*

Nguồn:http://vietsciences.free.fr/lichsu/lichsucacnuoc/Meirokusha.htm

Hội trí thức Minh Lục Xã đã có những đóng góp quan trọng cho sự tiến bộ của xã hội Nhật Bản thông qua nhiều tác phẩm nổi bật đương thời. Chẳng hạn như những tác phẩm tiêu biểu vào thập niên 1860 là "*Cỏ nhà láng giềng" (tonarigusa)* (1861) của Kato, tác phẩm "*Tây dương sự tình" (seijo jijo)* (1866 – 1870) của Fukuzawa, tác phẩm "Bách *nhất tân luận" (hyakuichi shinron)* của Nishi. rong đó, tác phẩm "*Cỏ nhà láng giềng"* của Kato được xem là tác phẩm đầu tiên ở Nhật Bản bàn về chế độ lập hiến. Nội dung tác phẩm phản ánh nhận thức của Kato về tầm quan trọng của "chế độ" trong chính trị. Theo ông, để đạt được nhân hòa, cần thiết lập một nền chính trị công minh, chính đại với nhân nghĩa làm cốt lõi. Kato nhấn mạnh rằng yếu tố nhân chính không phụ thuộc vào phẩm chất hay lòng tốt của người cầm quyền, mà là vấn đề của chính thể. Ông kết luận: *"Xem như thế, chính thể do các vua đời trước đặt ra cũng có chỗ bất đạt".*

Kato nhận định rằng nguyên nhân khiến Trung Quốc thất bại trong chiến tranh Nha phiến không nằm ở sự yếu kém về quân sự mà xuất phát từ việc nước này không có một chính thể phù hợp. Ông cho rằng chế độ lập hiến chính là mô hình chính trị thích hợp nhất cho Trung Quốc. Thực tế, Kato mượn câu chuyện về Trung Quốc dưới triều Thanh để gián tiếp bàn luận về tình hình chính trị của Nhật Bản. Ông đặt tên tác phẩm là "*Cỏ nhà láng giềng"* nhằm tránh gây nhạy cảm với chính quyền Tokugawa. Cuốn sách này chỉ được lưu hành dưới dạng bản chép tay và không được xuất bản chính thức.

"Tây dương sự tình" là một trong những tác phẩm có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong thập niên 1860 và giai đoạn đầu thời Minh Trị.Tác phẩm này được Fukuzawa viết lại những điều mắt thấy tai nghe, những điều đã học tập được thông qua những chuyến đi thị sát các nước Châu Âu như Anh, Pháp, Hà Lan, Phổ, Nga, Bỉ, Mĩ. "Tây dương sự tình" được in với 25 vạn bản, đã thu hút được độc giả và gây tiếng vang lớn. Tác phẩm "Tây dương sự tình" đã ghi chép được toàn bộ những thành tựu của văn minh phương Tây mà Fukuzawa Yukichi đã nhìn thấy thông qua những chuyến đi chu du sang nước ngoài.

Trong tác phẩm "Bách nhất tân luận" Nishi phê phán Nho giáo trên hai điểm. Điểm thứ nhất là không phân biệt giữa "chính" và "giáo". Theo Nishi trong Nho giáo cách hiểu chữ "nhân đạo" bao gồm cách "trị nhân" là sai lầm. Điểm thứ hai mà Nishi phê phán Nho giáo là không phân biệt giữa "tâm lý" và "vật lý". Tác phẩm "*Bách nhất tân luận*" phản ánh trọn vẹn sự giao thoa giữa tư tưởng truyền thống Nhật Bản và tinh hoa văn hóa phương Tây.

Ngoài ra, Nakamura Masanao đã dịch *Self-Help* của Samuel Smiles với tiêu đề *Saikoku Risshihen* (Tây quốc lập chí biên) và *On Liberty* của John Stuart Mill với tiêu đề *Jiyu no Ri* (Tự do chi lý). Kato Hiroyuki biên soạn hai tác phẩm *Shinsei Taii* (Chân chính đại ý) và *Kokutai Shinron* (Quốc thể tân luận) nhằm giới thiệu tư tưởng về nhân quyền của Rousseau, Voltaire và Montesquieu. Nishi Amane, người đặt ra thuật ngữ *tetsugaku* (triết học), đã giới thiệu chủ nghĩa công lợi (utilitarianism) và chủ nghĩa thực chứng (positivism). Tsuda Mamichi, sau khi du học tại Hà Lan, đã dịch các bài giảng của giáo sư Lissering thành tác phẩm *Taisei Kokuhoron* (Thái tây quốc pháp luận).

Fukuzawa Yukichi cũng đóng góp hơn 100 tác phẩm với nội dung bao quát nhiều lĩnh vực quan trọng đối với Nhật Bản, từ ngôn ngữ, tư tưởng, triết học, lịch sử, địa lý đến quân sự, kinh tế, thương mại và giáo dục. Ông là một trong những người tiên phong thúc đẩy công cuộc canh tân đất nước theo mô hình phương Tây. Theo Fukuzawa, để cải cách thành công và đưa Nhật Bản phát triển nhanh chóng, cần phải nâng cao trình độ học vấn của toàn dân và phát triển hệ thống giáo dục trong nước.

Để tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật từ phương Tây, việc nâng cao trình độ học vấn là điều kiện tiên quyết. Nhật Bản khó có thể tiến hành cải cách và phát triển nếu dân chúng không được trang bị nền tảng tri thức vững chắc. Tác phẩm nổi tiếng của ông về giáo dục được cho ra đời vào năm Minh Trị thứ 5 (1872) như tác phẩm Khuyến học (Gakumon no susume). Đây là tác phẩm mà ông đặt nhiều tâm huyết trong tư tưởng giáo dục của mình. Vốn là người được học Hán học từ nhỏ nhưng ông cũng là người chủ trương giáo dục không theo Hán học mà theo Tây học. Theo ông, Hán học chỉ bó buộc con người ở những lý thuyết mà không phát triển được thực lực, bản năng thực hành trong mỗi con người. Việc tồn tại và phát triển phải phụ thuộc nhiều ở khả năng nhận biết và thực hành của bản thân. Vì vậy, tư tưởng giáo dục của ông là coi trọng thực học, coi trọng khả năng thực hành của con người. Theo ông, nếu giáo dục Nhật Bản cũng áp dụng theo hướng giáo dục phương Tây thì người Nhật Bản có khả năng phát huy năng lực bản thân, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Bên cạnh đó, trong tác phẩm "*Khuyến học"*, ông còn đề xướng việc giáo dục tinh thần khoa học phương Tây nhằm vun đắp tính độc lập, tự cường cho người dân Nhật Bản. Ông cho rằng giáo dục theo lối Hán học chỉ làm con người phát triển theo tu duy một chiều, khuôn mẫu và cứng nhắc, trong khi giáo dục theo lối Tây học thì người học sẽ nắm bắt được nền tảng khoa học vững chắc, tạo cơ hội cho việc rèn luyện tư duy độc lập và tính sáng tạo. Đây là yếu tố quan trọng để bảo vệ vững chắc con đường văn minh khai hóa của Nhật Bản. Hơn nữa, trong tác phẩm Khuyến học ông còn trình bày quan điểm mục đích của giáo dục là nhằm nuôi dưỡng năng lực "lựa chọn" trong quá trình giao lưu với phương Tây. Điều đó có nghĩa là trước làn sóng các quốc gia ở Châu Á bị các nước phương Tây xâm lược, việc xây dựng một quốc gia theo chiều hướng mở cửa, giao lưu là việc làm đúng đắn. Tuy nhiên, ông cũng cho rằng việc giao lưu với phương Tây sẽ có hai mặt. Một mặt có thể tiếp thu những yếu tố có lợi từ văn minh phương Tây. Nhưng mặt khác những yếu tố không tốt thì cũng có khả năng xâm nhập vào Nhật Bản và sẽ ảnh hưởng đến việc xây dựng đất nước phồn thịnh và giàu đẹp. Chính vì lẽ đó, mà trong tác phẩm Khuyến học ông trình bày quan điểm cần phải giáo dục năng lực chọn lựa những yếu tố tốt và loại trừ những yếu tố không tốt. Chỉ khi đó, Nhật Bản mới có thể hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa. Những tư tưởng của ông trong tác phẩm Khuyến học đã gây sự chú ý đến người dân Nhật Bản trong những năm đầu thời Minh Trị. Đây được xem là tác phẩm có giá trị, ảnh hưởng rất lớn đến việc cải cách giáo dục thời Minh Trị.

3.2 Trong hoạt động cải cách giáo dục

3.2.1 Đóng góp của sĩ tộc trong hệ thống giáo dục

Trong quá trình canh tân đất nước, phần lớn sĩ tộc chuyển sang nhiều nghề nghiệp mới như làm nông nghiệp, tham gia vào sản xuất, kinh doanh, buôn bán. Bên cạnh đó, còn có một số bộ phận sĩ tộc, vốn là những võ sĩ cũ thông thạo cả văn lẫn võ, đã tham gia vào công việc giảng dạy. Hầu hết các sĩ tộc nhận thức được tính quan trọng của việc giáo dục nên đã lấy công việc giảng dạy làm nghề nghiệp chính trong việc tiến thân trong xã hội. Đây được xem là nghề nghiệp thứ tư được tầng lớp sĩ tộc quan tâm và mong muốn chỉ sau nghề công chức, cảnh sát, quân đội. Tầng lớp sĩ tộc đã lấy được quyền lãnh đạo trong xã hội Minh trị thông qua nghề nghiệp này. Tuy nhiên, để làm nổi bật được vai trò của sĩ tộc trong vấn đề giáo dục Nhật Bản thời Minh Trị, trước hết ta cần xem xét vấn đề giáo dục Nhật Bản thời Minh Trị.

Sau khi chính quyền Minh Trị được thiết lập, vấn đề giáo dục đã được chú trọng xem xét và tiến hành cải cách. Trong đó, việc tiếp thu văn minh phương Tây qua khoa học kỹ thuật và thực nghiệm là mục tiêu quan trọng của giáo dục Nhật Bản lúc bấy giờ. Giáo dục kỹ thuật không chỉ góp phần vào quá trình công nghiệp hóa mà còn nâng cao sức mạnh quân sự, đưa Nhật Bản bước vào hàng ngũ của các nước tư bản hùng mạnh trên thế giới. Hơn nữa, mục tiêu giáo dục của chính quyền mới không chỉ nhằm cung cấp nguồn nhân lực cần thiết cho sự phát triển kinh tế và quân sự mà nó còn góp phần quan trọng vào việc biến đất nước Nhật Bản từ gần 300 han cát cứ thành một quốc gia thống nhất. Vì những mục đích như vậy, các nhà lãnh đạo nhanh chóng nhận thức được tầm quan trọng của việc thống nhất những quan điểm về hiện đại hóa nền giáo dục.

Mở đầu cho chính sách hiện đại hóa giáo dục là một chủ trương tiến bộ. Trong học chế (luật Giáo dục cơ bản) công bố năm 1872: "Ngày nay giáo dục phải được truyền bá trong dân chúng (nam cũng như nữ, cựu quý tộc và võ sĩ, nông dân, thường dân cũng như thợ thủ công) để trong làng không còn một gia đình nào mù chữ và không còn người nào mù chữ trong mỗi gia đình. Trẻ em đến tuổi đi học, không phân biệt nam nữ đều phải tới trường và các bậc cha mẹ phải được thông báo về chính sách này với tất cả lòng ham muốn" [9, tr.170]. Hệ thống trường học 3 cấp đã được hình thành, mở đầu cho nền giáo dục hiện đại ở Nhật. Các luật hoặc sắc lệnh về trường tiểu học, trung học, cao đẳng, sư phạm, trường nữ, trường tư, trường chuyên nghiệp,…lần lượt được công bố. Năm 1900, lệnh bãi bỏ tiền học phí trong các trường tiểu học công lập bắt đầu được thành lập đã giúp cho tỉ lệ trẻ em đến trường tăng lên nhanh chóng và đạt tới 100% vào cuối thời Minh Trị.

Liên quan đến vấn đề giảng dạy ở các trường là vấn đề đào tạo giáo viên được chính phủ đặc biệt chú ý. Chính phủ tuyển tất cả giáo viên không coi trọng đến vấn đề xuất thân của họ. Chính phủ cũng đưa ra khuyến khích những người xuất thân sĩ tộc tham gia vào nghề nghiệp mới như giáo viên. Nhiều chính sách ưu tiên cho những người theo học ngành sư phạm nhưng bắt buộc họ không được đổi nghề. Mặc dù vấn đề tài chính đất nước còn khó khăn nhưng chính quyền Minh Trị cũng dành nguồn vốn đáng kể để tăng lương cho giáo viên hàng năm và nâng cao trình độ cho giáo viên. Đây được coi là một chính sách quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo cao ở các trường học ở Nhật Bản thời Minh Trị.

Nhờ vào sự nỗ lực của chính quyền mới mà trong vòng 7 năm (1872-1878), Nhật Bản đã xây dựng được 26.584 trường học các loại, đạt khoảng 50% so với kế hoạch đề ra. Tỷ lệ học sinh tới trường cũng tăng lên nhanh chóng từ 28% vào năm 1873 lên 41% vào năm 1878. Theo một số nguồn tư liệu khác, vào năm 1877 Nhật Bản xây dựng được 25.459 trường tiểu học, 96 trường sư phạm, 28 trường ngoại ngữ, 389 trường trung học, 52 trường trung học chuyên nghiệp. Ở Osaka vào năm Minh Trị thứ 30 (1897) có 38,2% công nhân mù chữ và chỉ có 12,3% đã tốt nghiệp tiểu học. Nhưng đến năm 1919 số người không biết chữ giảm xuống còn 8,8%, trong khi 48,9% học hết chương trình giáo dục bắt buộc và 19,8% đã tốt nghiệp tiểu học bậc cao. Trong nghiên cứu điều tra về những người tốt nghiệp trường sư phạm Tokyo, nhà nghiên cứu Ishitoya Tetsuo đã đưa ra vấn đề giáo viên có nguồn gốc xuất thân từ sĩ tộc vào năm Minh Trị thứ 10 (1877), tỉ lệ sĩ tộc trong những người tốt nghiệp khoa sư phạm trường tiểu học Tokyo là chiếm gần 80%. [10, tr. 315]

Bảng 1 Số lượng giáo viên ở các trường công lập trên toàn quốc vào năm 1882 (Minh Trị thứ 15)

		Cơ cấu tộc tịch (người)				Tỷ lệ (%)			
		Hoa tộc	Sĩ tộc	Bình dân	Tổng cộng	Sĩ tộc	Bình dân		
Trường học thuế địa phương (trường cấp 2, trường sư phạm)	Hiệu trưởng	0	61	17	78	78.2	21.8		
	Giáo viên	0	962	260	1,222	78.7	21.3		
	Văn thư	0	252	70	322	78.3	21.7		
	Tổng cộng (a)	0	1,275	347	1,622	78.6	21.4		
Trường học phí tài trợ (trường tiểu học)	Hiệu trưởng	0	259	167	426	60.8	39.2		
	Giáo viên	2	29,507	41,440	70,949	41.6	58.2		
	Nhân viên văn phòng	0	12	0	12	100.0	0	Tỷ lệ tương ứng với 1 vạn người	
	Tổng cộng (b)	2	29,778	41,607	71,387	41.7	58.3	Sĩ tộc	Bình dân
Tổng (a+b)		2	31,053	41,954	73,009	42.5	57.5	160.7	12.1

Nguồn: Sĩ tộc nhìn từ nghiên cứu lịch sử xã hội học, tr.90

Chính phủ đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên. Mặc dù tuyển giáo viên không dựa vào xuất thân, nhưng giới sĩ tộc vẫn chiếm đa số nhờ trình độ học vấn cao và tinh thần cầu tiến. Theo khảo sát của Ishitoya Tetsuo, năm 1877, sĩ tộc chiếm gần 80% sinh viên tốt nghiệp khoa sư phạm trường tiểu học Tokyo. Dựa theo bảng 1 ở trên, năm 1882, khoảng 80% giáo viên trung học cơ sở và 40% giáo viên tiểu học là người xuất thân từ sĩ tộc. Bình quân, trong 1 vạn giáo viên, có 160,7 người là sĩ tộc, trong khi bình dân chỉ có 12,1 người. Điều này cho thấy số lượng sĩ tộc và bình dân chênh lệch gấp hơn 10 lần.

Sự thống trị của sĩ tộc trong hệ thống giáo dục tiếp tục được duy trì đến giai đoạn Đại Chính, đặc biệt trong giáo dục bậc cao. Họ không chỉ giảng dạy kiến thức mà còn định hình phương pháp "thực học" (jitsugaku), nhấn mạnh vào năng lực thực hành và tinh thần phụng sự quốc gia.

3.2.2 Tư tưởng của những nhà giáo dục tiêu biểu

Trong số các sĩ tộc tham gia vào quá trình phát triển giáo dục Nhật Bản, có thể kể đến Mori Arinori, Bộ trưởng Bộ Giáo dục đầu tiên dưới chế độ hành chính mới thời Minh Trị. Ông xuất thân từ tầng lớp võ sĩ cũ (sĩ tộc) và là người có đóng góp to lớn trong việc cải tổ hệ thống giáo dục, mở đường cho sự phát triển đưa Nhật Bản trở thành một cường quốc trên thế giới. Trong bài phát biểu tại Trường Sư phạm tỉnh Saitama vào tháng 2 năm 1885, ông khẳng định: "Nhật Bản phải tiến từ nước hạng ba lên hạng nhì, từ hạng nhì lên hạng nhất, và sau đó phải giữ địa vị có tính chất chỉ đạo trên toàn thế giới. Để làm được điều đó, bằng mọi cách phải đạt được giáo dục sơ đẳng."

Với chủ trương đó, Mori Arinori đã xây dựng một hệ thống giáo dục bao gồm những định hướng quan trọng như: giáo dục nhằm làm giàu và củng cố quốc gia, giáo dục để thay đổi tư duy lạc hậu, và giáo dục góp phần bảo tồn truyền thống dân tộc. Ông cũng thành lập Đại học Hoàng gia (tiếng Nhật gọi là Đế quốc Đại học), nơi giảng dạy và nghiên cứu mang tính hàn lâm, đồng thời cùng với hệ thống các trường tiểu học, trung học và sư phạm, đảm nhận vai trò đào tạo công chức cao cấp cho nhà nước. Hầu hết các quan chức chính phủ có năng lực và các doanh nhân lớn đều là cựu sinh viên của Đại học Hoàng gia. Khi mới thành lập, Đại học Hoàng gia chỉ có khoảng 100 sinh viên, nhưng đến năm 1904, số lượng sinh viên tốt nghiệp tại Đại học Hoàng gia Tokyo đã lên đến 5.000 người. Đây cũng là nơi khởi nguồn cho các cuộc cạnh tranh quyết liệt của giới trẻ Nhật Bản trong nỗ lực thi đỗ vào một đại học danh giá.

Sinh viên tốt nghiệp Đại học Hoàng gia Tokyo phần lớn xuất thân từ tầng lớp hoa tộc và sĩ tộc. Họ là lực lượng tiếp thu toàn diện văn minh phương Tây, đóng vai trò then chốt trong công cuộc hiện đại hóa đất nước. Nhiều người trong số đó còn được cử đi du học nước ngoài để tiếp thu tri thức khoa học, kỹ thuật và kinh nghiệm thực tiễn từ các quốc gia tiên tiến. Sau khi trở về nước, họ đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong nhiều lĩnh vực, tiêu biểu như nhà toán học Kikuchi Dairoku (1855–1917), nhà động vật học Yamagawa Kenjirō (1854–1931), và nhà hóa học Sakurai Jōji (1858–1939), v.v.

Hệ thống giáo dục trung học chỉ thực sự được hình thành từ thời Minh Trị. Ban đầu, chính quyền phân loại các cơ sở đào tạo cung cấp kiến thức trung gian giữa tiểu học và sơ đẳng thành trường trung học. Các trường sư phạm gồm hai hệ: sư phạm bậc thấp đào tạo giáo viên tiểu học và sư phạm bậc cao đào tạo giáo viên trung học. Đối với tầng lớp sĩ tộc, tốt nghiệp một trường sư phạm chính là bước đệm quan trọng để họ có thể tiến thân vào hàng ngũ quan chức chính trị và hành chính nhà nước.

Bên cạnh Mori Arinori, Fukuzawa Yukichi (1834–1901) và Nishimura Shigeki (1828–1902) cũng là những nhà giáo dục nổi bật của thời kỳ Minh Trị. Cả hai đều xuất thân từ tầng lớp võ sĩ cũ (sĩ tộc) và đóng vai trò quan trọng trong việc định hình tư tưởng giáo dục mới cho Nhật Bản. Tư tưởng giáo dục của họ có ảnh hưởng sâu sắc đến thế hệ thanh niên tiên tiến lúc bấy giờ, góp phần tạo nên một nền giáo dục hiện đại, học tập từ mô hình phương Tây nhưng vẫn giữ được bản sắc Nhật Bản.

Fukuzawa Yukichi, một trong những nhà tư tưởng khai sáng nổi bật, cho rằng: "Con người sinh ra vốn bình đẳng. Không có sự khác biệt bẩm sinh giữa người cao quý và kẻ thấp hèn. Tuy nhiên, trong thực tế lại có người khôn kẻ dại, người giàu kẻ nghèo và sự khác biệt ấy là do giáo dục mà ra." [1,tr.19]. Theo ông, giáo dục phải bắt đầu từ việc học chữ, viết văn bản thiết thực, biết tính toán và đo lường. Sau đó, cần học các ngành khoa học như địa lý, kinh tế, đạo đức và chọn lọc những tri thức có tính ứng dụng cao để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cái học mà Fukuzawa đề xướng là *thực học* (*Jitsugaku*), tức là tiếp thu không giới hạn văn minh phương Tây để làm giàu đất nước, đồng thời bảo vệ và củng cố nền độc lập dân tộc theo nguyên lý "Độc lập – Tự tôn" (*Dokuritsu – Jison*).

Sau khi từ Mỹ trở về, Fukuzawa bắt tay vào công cuộc giáo dục toàn dân. Ông cải tổ trường dạy Hà Lan học (*Rangaku*) thành trường Trung học Khánh Ưng Nghĩa Thục (*Keio Gijuku*), chuyển từ giảng dạy tiếng Hà Lan sang tiếng Anh. Nhờ đó, số học viên tăng nhanh chóng: từ 40–50 người lên 80 người vào năm 1867, và khoảng 200–300 người vào năm 1871. Trường Khánh Ưng Nghĩa Thục trở thành cơ sở tiên phong trong việc giảng dạy phương Tây học ở Nhật Bản với mục tiêu xây dựng một đất nước văn minh, hùng mạnh ngang hàng với các quốc gia tiên tiến. Trường chủ trương giảng dạy khoa học tự nhiên và nuôi dưỡng tinh thần độc lập cho sinh viên. Năm 1871, Fukuzawa chuyển trường về khu Mita – địa điểm chính của Đại học Keio ngày nay. Năm 1890, trường được nâng cấp thành đại học với ba khoa: kinh tế, nghệ thuật và luật. Ông mời các giáo sư người Mỹ đảm nhiệm vai trò trưởng khoa. Trong kỳ thi tuyển sinh đầu tiên, có 37 thí sinh trúng tuyển, gồm 17 người ngành kinh tế, 17 người ngành nghệ thuật và 3 người ngành luật. Từ khi thành lập đến năm 1910, trường đã đào tạo khoảng 1.047 sinh viên, trong đó có 792 sinh viên ngành kinh tế, 132 ngành luật, 68 ngành chính trị học và 55 ngành nghệ thuật. Lực lượng này đã trở thành nguồn nhân lực nòng cốt đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Trong khi đó, Nishimura Shigeki chủ trương nền giáo dục hiện đại phải kết hợp hài hòa giữa đạo đức truyền thống và tri thức khoa học. Tư tưởng của ông chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Nho giáo, nhấn mạnh vai trò trung tâm của đạo quân thần, sự kính trọng Hoàng gia, chủ quyền của người đứng đầu gia đình, và coi nhà – nước là một chỉnh thể không thể tách rời. Theo ông, nền giáo dục lý tưởng phải giúp con người hoàn thiện về mặt đạo đức và đủ sức tiếp nhận các tri thức khoa học phục vụ xã hội.

Dù đi theo hai hướng khác nhau – Fukuzawa với khuynh hướng thực học phương Tây, còn Nishimura với tư tưởng kết hợp đạo đức Nho giáo – cả hai nhà giáo dục đều có chung mục tiêu: xây dựng một nền giáo dục hiện đại cho nước Nhật, vừa tiếp thu những tiến bộ của phương Tây, vừa bảo tồn những giá trị truyền thống đặc trưng của dân tộc.

Tầng lớp sĩ tộc đã trở thành lực lượng chủ chốt trong lĩnh vực giáo dục thời Minh Trị không chỉ do chính sách ưu tiên của chính phủ mà còn bởi nền tảng học vấn sẵn có từ thời Edo. Vốn được đào tạo bài bản trong hệ thống Hán học truyền thống, nhiều sĩ tộc đã tiếp cận dễ dàng với tư tưởng và tri thức phương Tây, từ đó nhanh chóng chuyển mình thành đội ngũ trí thức tiên phong trong công cuộc khai sáng và canh tân đất nước. Khi chính phủ Minh Trị ban hành chính sách cải cách giáo dục, đặc biệt là sau "Học chế năm 1872", họ đã chú trọng xây dựng hệ thống trường học hiện đại và cần đến một đội ngũ giáo viên đủ trình độ. Mặc dù tuyển dụng giáo viên không đặt nặng vấn đề xuất thân, song sĩ tộc với học lực vượt trội đã chiếm ưu thế tuyệt đối: gần 80% sinh viên sư phạm năm 1877 và tỷ lệ giáo viên sĩ tộc cao gấp hơn 10 lần so với bình dân. Chính phủ cũng tạo điều kiện cho sĩ tộc tham gia vào giáo dục như một con đường chuyển đổi nghề nghiệp sau khi mất đi địa vị võ sĩ, từ đó giúp họ khẳng định lại vai trò lãnh đạo xã hội trong bối cảnh mới. Như vậy, chính sự kết hợp giữa nền tảng học vấn sâu rộng sẵn có và chính sách cải cách ưu ái của nhà nước đã đưa tầng lớp sĩ tộc trở thành trụ cột trong quá trình hiện đại hóa giáo dục Nhật Bản thời Minh Trị.

4. KẾT LUẬN

Như vậy, chính sự kết hợp giữa nền tảng học vấn sâu rộng sẵn có từ thời Edo và chính sách cải cách ưu ái của chính phủ Minh Trị đã đưa tầng lớp sĩ tộc trở thành trụ cột trong quá trình hiện đại hóa giáo dục Nhật Bản. Tuy nhiên, có thể nói rằng, sự tham gia của sĩ tộc là một *yếu tố quan trọng* nhưng *không phải là yếu tố duy nhất quyết định* sự thành công của cải cách giáo dục Minh Trị. Thành công ấy là kết quả tổng hòa của nhiều yếu tố: chính sách cải cách quyết liệt của chính quyền, sự du nhập kịp thời của tư tưởng phương Tây, và đặc biệt là vai trò tích cực của tầng lớp trí thức nói chung, trong đó sĩ tộc là lực lượng nổi bật.

Công cuộc Minh Trị Duy Tân trải qua nhiều giai đoạn, với sự thay đổi sâu rộng ở các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, văn hóa và giáo dục. Trong đó, tầng lớp trí thức, đặc biệt là các cựu sĩ tộc, đã góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy đời sống văn hóa và giáo dục phát triển mạnh mẽ. Không chỉ giữ vai trò giáo viên, họ còn là những nhà báo, nhà văn, nhà tư tưởng truyền bá các giá trị tiến bộ của phương Tây qua các bài luận, tác phẩm văn học và báo chí, từ đó nâng cao nhận thức của người dân về vai trò cá nhân trong công cuộc kiến thiết đất nước. Chính nhờ những tư tưởng khai sáng ấy mà người dân Nhật Bản dần hiểu rõ hơn các giá trị hiện đại, nâng cao trình độ học vấn và chủ động đóng góp vào sự nghiệp cải cách. Những thành tựu của nền giáo dục mới, mở rộng phổ cập, nâng cao chất lượng, và tạo dựng nguồn nhân lực hiện đại là không thể tách rời khỏi vai trò của tầng lớp trí thức, đặc biệt là các cựu sĩ tộc.

Trong những hướng nghiên cứu tiếp theo, nhóm tác giả dự kiến mở rộng phạm vi khảo sát để làm rõ vai trò của các nhóm trí thức ngoài tầng lớp sĩ tộc như tầng lớp thị dân hay giai cấp thương nhân trong quá trình tiếp nhận và lan tỏa tư tưởng phương Tây tại Nhật Bản thời Minh Trị. Bên cạnh đó, việc đặt tầng lớp sĩ tộc trong mối tương tác với các thiết chế hiện đại như hệ thống trường học, báo chí, nhà xuất bản... cũng sẽ là một hướng tiếp cận quan trọng nhằm lý giải rõ hơn quá trình chuyển đổi vai trò xã hội và sự thích ứng của họ trong bối cảnh hiện đại hóa. Những phân tích này không chỉ giúp tái hiện đầy đủ hơn diện mạo của tầng lớp trí thức trong thời kỳ chuyển mình mạnh mẽ của Nhật Bản, mà còn góp phần làm sáng tỏ cơ chế vận hành của một xã hội đang hiện đại hóa, từ đó rút ra những bài học lịch sử có giá trị cho các quốc gia đang trong tiến trình phát triển hiện nay.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Fukuzawa Yukichi. (1995). *Khuyến học (Nhật Bản: Canh tân giáo dục thời Minh Trị)* (Chương Thâu, Trans.). Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

[2] Lê Văn Quang. (1995). *Lịch sử Nhật Bản*. TP.HCM: NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

[3] Nguyễn Tiến Lực. (2010). *Minh Trị duy tân và Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

[4] Nguyễn Tiến Lực. (2012). Tư tưởng về văn minh của Fukuzawa Yukichi: Từ tác phẩm *Khái lược về văn minh luận (Bunmeiron no gairyaku)*.

[5] Nguyễn Tiến Lực. (1995). Fukuzawa Yukichi và tư tưởng khai sáng của ông. *Tạp chí Triết học*, (2).

[6] Nguyễn Văn Kim. (2003). *Nhật Bản với châu Á: Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế xã hội*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[7] Phạm Lê Khánh Trang. Minh lục xã (Meirokusha) và vai trò của tổ chức này đối với sự nghiệp văn minh hóa Nhật Bản.

[8] Vũ Dương Ninh (chủ biên). (2007). *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[9] 福沢諭吉. (1986). *文明論之概略*. 東京: 岩波文庫.

[10] 園田英弘, 濱名篤, & 廣田照幸. (1995/2005). *士族の歴史社会学的研究*. 名古屋: 名古屋大学出版会.